TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 10/2024/DS - ST.
Ngày: 26/09/2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Cải;
2. Bà Lò Thị Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lò Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B tỉnh Điện Biên.

Ngày 26/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST - DS ngày 21/06/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXX–ST ngày 20/8/2024; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quàng Văn X, sinh năm 1962. "Có mặt"
Địa chỉ: Bản T A, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Ông Quàng Văn K, sinh năm 1989. "vắng mặt";
Địa chỉ: Bản X, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B nguyên đơn trình bày:

Do tôi và Quàng Văn K là chỗ thân quen, ngày 09/10/2019 Khởi đến nhà tôi hỏi vay tiền, tôi thấy Khởi hoàn cảnh khó khăn nên tôi đã đồng ý cho Khởi vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), với lãi suất là 3.000.000 đồng một tháng, thời hạn vay tính trừ vào lương cho đến khi trả hết nợ, có Biên bản thỏa thuận dân sự viết tay. Trong thời gian vay anh Khởi chưa trả gốc và lãi cho tôi được tháng

nào vì anh Khởi nghỉ việc nên không có lương. Tôi gọi anh Khởi thì không liên lạc được, tôi đến nhà anh Khởi thì không gặp vì Khởi tránh mặt.

Do vậy, tôi viết đơn này đề nghị Tòa án huyện Đ B giải quyết giúp tôi: Buộc Quàng Văn K phải trả cho tôi số tiền đã vay của tôi là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất của số tiền này tính từ ngày vay 09/10/2019 đến ngày giải quyết xong vụ án, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn Quàng Văn K: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu, chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không có ý kiến gì. Do vậy, Tòa án đã không tiến hành hòa giải được.

Ngày 06/9/2024 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Quàng Văn X thì bị đơn là anh Quàng Văn K có địa chỉ tại Bản X, xã P L, huyện Đ B nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

[3]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

[**3.1]. Nguyên đơn**: Ông Quàng Văn X, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Bản T A, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

[**3.2]. Bị đơn**: Ông Quàng Văn K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản X, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

[4]. Về điều luật áp dụng: Ông Xuấn và anh Khởi viết giấy vay tiền từ ngày 09/10/2019 đến ngày 20/6/2024 ông Xuấn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, ngày 21/6/2024 Tòa án nhân dân huyện Đ B thụ lý vụ án. Vì vậy, Tòa án sẽ áp

dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xem xét, giải quyết việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự.

[5]. Xét yêu cầu của ông Xuấn:

[5.1]. Ông Xuấn yêu cầu đòi tiền cho vay gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất của số tiền này tính từ ngày vay 09/10/2019 đến ngày giải quyết xong vụ án, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bên bị đơn không có ý kiến gì và không cung cấp được chứng cứ gì để phản bác yêu cầu của nguyên đơn.

Còn nguyên đơn thì cung cấp được Biên bản thỏa thuận dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 09/10/2019 với nội dung là anh Khởi vay tiền của ông Xuấn số tiền là 150.000.000 đồng và có tính lãi do hai bên tự thỏa thuận. Căn cứ Khoản 2 Điều 94, Khoản 4 Điều 95/BLTTDS, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 150.000.000 đồng và có thỏa thuận thời gian vay (có đầy đủ chữ ký của bên vay, bên cho vay và của người làm chứng).

Hội đồng xét xử thấy: Việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng là có thật, do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 150.000.000 đồng bị đơn nợ là có căn cứ. Căn cứ các Điều 463; Điều 466/BLDS.

[5.2]. Xét về khoản tiền lãi: Do từ ngày 09/10/2019 cho đến ngày xét xử (ngày 06/9/2024) bên bị đơn không trả được cho nguyên đơn lần nào nên bên bị đơn sẽ phải trả khoản tiền lãi này theo quy định của pháp luật. Do bên nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về lãi suất và theo yêu cầu của nguyên đơn là tính lãi theo quy định của pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 468/BLDS. Cụ thể, theo yêu cầu của nguyên đơn số tiền lãi tính kể từ 09/10/2019 cho đến ngày xét xử ngày 26/9/2024 là 1.777 ngày và thành tiền là: 73.027.397đ. (Bảy mươi ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

[6]. Về án phí DSST:

[6.1] .Về án phí: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.2]. Bị đơn phải chịu án phí DSST có giá ngạch là:

(150.000.000đ + 73.027.397đ) x 5% = 11.151.370đ (Mười một triệu một trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

[6.3]. Nguyên đơn không phải chịu án phí DSST có giá ngạch, nguyên đơn được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là: 3.750.000đ. Theo biên lai số: 0000239 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ B.

Đối với bị đơn Quàng Văn K: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn

không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ đương sự vắng mặt tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện việc không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466/BLDS.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Quàng Văn X:

- Buộc ông Quàng Văn K phải trả số tiền gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Quàng Văn X;

- Ông Quàng Văn K phải trả số tiền lãi cho ông Quàng Văn X là: 73.027.397đ (Bảy mươi ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

- Ông Quàng Văn K phải trả nợ cho ông Quàng Văn X tổng số tiền cả gốc và lãi là 223.027.397 (Hai trăm hai mươi ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

- Kể từ ngày ông Quàng Văn X có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Quàng Văn K không tự nguyện thi hành đối với khoản phải thanh toán cho ông Xuân thì ông Khởi phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.2. Về án phí:

- Bị đơn Quàng Văn K phải chịu án phí DSST có giá ngạch là: 11.151.370đ (Mười một triệu một trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

- Nguyên đơn Quàng Văn X không phải chịu án phí DSST có giá ngạch, nguyên đơn được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là: 3.750.000đ. Theo biên lai số: 0000239 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ B.

1.3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS;

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đ- ơng sự;
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lò Thị Cải	Lường Văn Lương	Lò Thị Thanh Bình